

BÁO CÁO CÔNG KHAI CÁC ĐIỀU KIỆN GIÁO DỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1.Tên cơ sở giáo dục: Trường trung học phổ thông Trực Ninh

2.Địa chỉ trụ sở chính: Xã Cát Thành, Tỉnh Ninh Bình

3.Loại hình: Trường THPT công lập

4.Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:

Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, hợp tác, nề nếp, kỷ luật và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.


Tầm nhìn: Là một trong những trường trung học phổ thông có chất lượng trên địa tỉnh, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại; nơi giáo viên và học sinh có khát vọng vươn lên.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5.Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường THPT Trực Ninh được thành lập từ năm 1965. Trải qua 60 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường luôn tiên phong đi đầu trong các phong trào của huyện, của tỉnh. Cho đến nay, nhà trường tiếp tục có sự phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng giáo dục toàn diện.

Trường được công nhận trường đạt chuẩn cấp độ 2 theo QĐ số 2269/QĐ-SGDĐT ngày 18/11/2024 của Sở GDĐT Nam Định, được công nhận Trường đạt chuẩn quốc 

gia mức độ 1 và Thư viện đạt chuẩn, Trường Xanh –Sạch- Đẹp- An toàn (tháng 11 năm 2024).

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, nhà trường và các tổ chức đều chủ động hoạt động có hiệu quả; nhiều năm liên tục nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, được Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh- Sở GD&ĐT Ninh Bình (mới) tặng nhiều Giấy khen, Chi bộ Đảng được Đảng bộ huyện Trục Ninh (cũ), Đảng bộ xã Cát Thành (mới) công nhận Chi bộ trong sạch vững mạnh, các tổ chức, đoàn thể đạt vững mạnh, vững mạnh xuất sắc. Đội ngũ cán bộ, giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, nhiệt tình, trách nhiệm, tận tình chăm lo dạy dỗ rèn luyện học sinh, có ý thức xây dựng tập thể, đoàn kết nội bộ, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đa số học sinh chăm ngoan lễ phép, biết vâng lời thầy cô, có ý thức vươn lên trong học tập.

6.Thông tin của người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn, người đại diện để liên hệ:

Họ và tên: Bà Lâm Thị Hạnh - Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trục Ninh, Xã Cát Thành, tỉnh Ninh Bình.

Số điện thoại: 022 8370 3999

Email: lamthihanhtn2010@gmail.com

7.Tổ chức bộ máy:

a)Quyết định thành lập hội đồng trường: Hội đồng trường THPT Trục Ninh được thành lập theo quyết định số: 525/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định. Hội đồng trường có 13 thành viên gồm: Đại diện chi bộ Đảng, Ban giám hiệu, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn, đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng, đại diện CMHS, đại diện chính quyền địa phương. Đồng chí Lâm Thị Hạnh chủ tịch Hội đồng; đồng chí Ngô Thu Trang là thư kí Hội đồng (Tính đến tháng 3/2026).

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục:

* Hiệu trưởng: Bà Lâm Thị Hạnh

Ngày, tháng, năm sinh: 31/8/1972

Quyết định bổ nhiệm lại Chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Trục Ninh số

1012/QĐ-SGDĐT ngày 04 tháng 08 năm 2023 của GD Sở GDĐT Nam Định

*Phó hiệu trưởng: Ông Nguyễn Đình Dũng:

Ngày, tháng, năm sinh: 12/8/1975

Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ phó Hiệu trưởng trường THPT Trực Ninh số 1166/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 7 năm 2020 của GD Sở GDĐT Nam Định

*Phó hiệu trưởng: Bùi Minh Thắng

Ngày, tháng, năm sinh: 11/02/1984

Quyết định nhiệm lại chức vụ phó Hiệu trưởng trường THPT Trực Ninh theo số 50/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 1 năm 2024 của GD Sở GDĐT Nam Định.


c) Cơ chế hoạt động :

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: 

Trường THPT Trục Ninh là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng;

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục cấp THPT

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường THPT;

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định;

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật;

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương;

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật;

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

e) Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

01 Hội đồng trường có 13 thành viên (đến tháng 3/2026).

01 Hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng

01 Hội đồng thi đua khen thưởng

01 Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo điều lệ trường THPT)

01 chi bộ Đảng gồm 45 Đảng viên

01 Tổ chức Đoàn thanh niên có 1585 đoàn viên thanh niên

01 Ban đại diện CMHS

07 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

f)Họ tên chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Lâm Thị Hạnh	Hiệu trưởng	0834663678	lamthihanhtn2010@gmail.com
2	Nguyễn Đình Dũng	Phó Hiệu trưởng	0917493236	dinhdungtna@gmail.com
3	Bùi Minh Thắng	Phó Hiệu trưởng	0934098309	minhthangtna@gmail.com

8.Các loại văn bản khác của cơ sở giáo dục: Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính.

PHẦN II: CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

I.Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Số TT	Tổng số GV, CBQL, Nv	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	TB	Kém
I	Giáo viên:	74	0	6	69	0	0	0	74	0	0	74	0	0	0
1	Toán	11		2	9				11			11	0		
2	Vật lý	7		1	6				7			7	0		
3	Hóa	6		1	5				6			6	0		

4	Sinh	3			3				3			3	0		
5	Tin	4			4				4			4	0		
6	Ngữ Văn	13			13				13			13	0		
7	Lịch sử	5		1	4				5			5	0		
8	Địa lý	3			3				3			3	0		
9	GDCD	2			2				2			2	0		
10	Thẻ đục-QP	8		1	7				8			8	0		
11	Công nghệ CN	3			3				3			3	0		
12	Công nghệ NN	2			2				2			2	0		
13	Tiếng Anh	7			7				7			7	0		
II	Cán bộ quản lý	3		2	1				3			3	0		
	Hiệu trưởng	1			1				1			1	0		
	Phó hiệu trưởng	2		2	0				2			2	0		
III	Nhân viên	11	0	0	2	6	1	1	0	0	0	1	9	0	0
1	NV văn thư	1				1							1		
2	NV kế toán	1			1							1			
3	Thủ quỹ	1				1							1		
4	Nhân viên y tế	1				1							1		
5	NV thư viện	1				1							1		
6	NV TB, TN	1				1							1		
7	NV hỗ trợ GD người KT	0				0							0		
8	NV CNTT	1				1							1		
9	NV bảo vệ	3				0	1	2					3		
10	NV lao công	1						1					1		

II. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Cơ sở vật chất:

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	36	Số m ² /hs

II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	36	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	07	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	44/1	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	18125	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1584	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	336	
3	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	144	
3	Diện tích thư viện (m ²)	48	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	915	
5	Diện tích phòng Đoàn, phòng truyền thống (m ²)	96	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	216	19,6
2	Khối lớp 11	248	22,5
3	Khối lớp 12	205	18,6
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	1200	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	48	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	39	

2	Cát xét	13	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	
5	Tăng âm	13	
6	Thiết bị âm thanh không dây	8	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	8	4/4	276	138/138
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

b) Tài liệu học tập sử dụng chung tại thư viện:

STT	SGK
1	Toán 10/1 - Kết Nối
2	Toán 10/2 - Kết Nối
3	Chuyên đề học tập Toán 10 - Kết nối
4	GD Kinh Tế Và Pháp Luật 10 - Kết Nối
5	Chuyên Đề Học Tập GD Kinh Tế Và Pháp Luật 10 - Kết Nối
6	Chuyên Đề Học Tập Hóa Học 10 - Kết Nối
7	Tiếng Anh 10 - Global Success - Kết nối
8	Tin Học 10 - Kết Nối
9	Chuyên đề tin học định hướng tin học ứng dụng 10 - kết nối
10	HĐTN Hướng Nghiệp 10 - Kết Nối
11	Toán 10 - SGK - Kết nối
12	BT Toán 10/1 - Kết nối
13	BT Toán 10/2 - Kết nối
14	BT Giáo dục Kinh tế & Pháp luật 10 - Kết nối
15	BT Tin học 10 - Kết nối
16	Công nghệ 10 (Thiết kế và Công nghệ) - Cánh diều
17	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 - Cánh diều
18	GD Thể chất môn Bóng rổ 10 - Cánh diều
19	GD Thể chất đá cầu 10 - Cánh diều
20	GD Thể chất 10 (Cầu Lông) - Cánh diều
21	GD Quốc phòng và An ninh 10 - Cánh diều
22	Chuyên đề HT tin học 10 Tin học Ứng dụng - Cánh diều
23	Chuyên đề học tập Tin học 10 khoa học máy tính - Cánh diều
24	Chuyên đề học tập Công nghệ 10 - thiết kế và CN - Cánh diều
25	Chuyên đề học tập Địa lí 10 - Cánh diều
26	Chuyên đề HT và GD Kinh tế và Pháp luật 10 - Cánh diều
27	BT Toán 10/1 - Cánh diều

28	BT Toán 10/2 - Cánh điều
29	BT Lịch sử 10 - Cánh điều
30	Bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 10 - cánh điều
31	BT Tin học 10 - Cánh điều
32	Toán 10 - SGK - Cánh điều
33	Tin 10 - SGK - Cánh điều
34	Công nghệ và 10 (Thiết kế và Công nghệ) - SGK - Cánh điều
35	Lịch sử 10 - SGK - Cánh điều
36	Giáo dục Kinh tế và pháp luật 10 - SGK - Cánh điều
37	Giáo dục quốc phòng an ninh 10 - SGK - Cánh điều
38	Toán 11/1 - Kết Nối
39	Toán 11/2 - Kết nối
40	Ngữ Văn 11/1 - Kết Nối
41	Ngữ Văn 11/2 - Kết Nối
42	CHUYÊN ĐỀ NGỮ VĂN 11 - KẾT NỐI
43	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11 - Kết Nối
44	Chuyên đề GD KT&PL 11- Kết nối.
45	Vật lý 11 - Kết Nối
46	Chuyên đề Vật lý 11 - Kết nối
47	Hóa Học 11 - Kết Nối
48	Chuyên đề Hóa học 11 - Kết nối
49	Sinh Học 11 - Kết Nối
50	Chuyên đề Sinh học 11 - Kết nối
51	Chuyên đề công nghệ 11 (CN cơ khí)- Kết nối
52	Tiếng Anh 11 - Global Success - SHS
53	Tin học 11 (Định hướng khoa học máy tính) - Kết Nối
54	Tin Học 11 (Tin Học Ứng Dụng) - Kết Nối
55	Chuyên đề Tin học 11 (Định hướng khoa học máy tính) - Kết nối
56	Chuyên đề Tin học 11 (Định hướng tin học ứng dụng) - Kết nối

57	BT Toán 11/1 - Kết nối
58	BT Toán 11/2 - Kết nối
59	BT Ngữ văn 11/1 - Kết nối
60	BT Ngữ văn 11/2 - Kết nối
61	BT GD Kinh tế và Pháp luật 11 - Kết nối
62	BT Hóa học 11 - Kết nối
63	BT Sinh học 11 - Kết nối
64	BT Tin học 11 (ĐH Khoa học máy tính) - Kết nối
65	HĐTN HƯỚNG NGHIỆP 11 SGK KN
66	CHUYÊN ĐỀ HT GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11 SGK KN
67	SINH HỌC 11 SGK KN
68	TIN HỌC 11 - SGK KN
69	CHUYÊN ĐỀ HT TIN HỌC 11- ĐỊNH HƯỚNG KHMT SGK KN
70	GD Kinh Tế Và Pháp luật 11 - Chân Trời
71	Vật lý 11 - Chân trời
72	Chuyên đề học tập Vật lý 11 - Chân trời
73	GD Thể chất 11 (Bóng rổ) - Cánh diều
74	GD Thể chất 11 (Đá cầu) - Cánh diều
75	GD Quốc Phòng Và An Ninh 11 - Cánh Diều
76	Vật lý 11 - Cánh diều
77	Tin học 11 (Tin học ứng dụng) - Cánh diều
78	Tin học 11 (Khoa học máy tính) - Cánh diều
79	Chuyên Đề Lịch Sử 11 - Cánh Diều
80	Chuyên đề Vật lý 11 - Cánh diều
81	CHUYÊN ĐỀ (TIN HỌC ỨNG DỤNG) HT TIN HỌC 11
82	CHUYÊN ĐỀ (KHOA HỌC MÁY TÍNH) HT TIN HỌC 11 CD
83	BT Toán 11/1 - Cánh diều
84	BT Toán 11/2 - Cánh diều
85	BT Lịch sử 11 - Cánh diều

86	BT Vật lý 11 - Cánh diều
87	BT Tin học 11 (Khoa học máy tính) - Cánh diều
88	BT Tin học 11 (Tin học ứng dụng) - Cánh diều
89	SGV TOÁN 11 - Cánh diều
90	SGV TIN HỌC 11 (TIN HỌC ỨNG DỤNG)- Cánh diều
91	SGV TIN HỌC 11 (KHOA HỌC MÁY TÍNH)- Cánh diều
92	SGV VẬT LÝ 11 - CÁNH DIỀU
93	SGV LỊCH SỬ 11- CD
94	SGV SÁCH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 11 - CÁNH DIỀU
95	Toán 12/1 - Kết nối
96	Toán 12/2 - Kết nối
97	Ngữ văn 12/1 - Kết nối
98	Ngữ văn 12/2 - Kết nối
99	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 - Kết nối
100	HĐTN Hướng nghiệp 12 - Kết nối
101	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 - Kết nối
102	Chuyên đề Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 - Kết nối
103	Vật lý 12 - Kết nối
104	Chuyên đề học tập Vật lý 12 - Kết nối
105	Hóa học 12 - Kết nối
106	Chuyên đề học tập Hóa học 12 - Kết nối
107	Sinh học 12 - Kết nối
108	Chuyên đề học tập Sinh học 12 - Kết nối
109	Công nghệ 12 (Điện - Điện tử) - Kết nối
110	Chuyên đề học tập Công nghệ 12 (Điện - Điện tử) - Kết nối
111	Công nghệ 12 (Lâm nghiệp, thủy sản) - Kết nối
112	Tin học 12 (Định hướng khoa học máy tính) - Kết nối
113	Chuyên đề học tập Tin học 12 (Khoa học máy tính) - Kết nối
114	Tin học 12 (Định hướng Tin học ứng dụng) - Kết nối

115	Chuyên đề học tập Tin học 12 (Tin học ứng dụng) - Kết nối
116	BT Toán 12/1 - Kết nối
117	BT Toán 12/2 - Kết nối
118	BT Ngữ văn 12/1 - Kết nối
119	BT Ngữ văn 12/2 - Kết nối
120	BT Vật lý 12 - Kết nối
121	BT Hóa học 12 - Kết nối
122	BT Sinh học 12 - Kết nối
123	BT Tin học 12 (Khoa học máy tính) - Kết nối
124	BT Tin học 12 (Tin học ứng dụng) - Kết nối
125	Ngữ văn 12/1 - Cánh diều
126	Ngữ văn 12/2 - Cánh diều
127	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 - Cánh diều
128	Chuyên đề học tập Toán 12 - Cánh diều
129	Giáo dục thể chất 12 (Bóng đá) - Cánh diều
130	Giáo dục thể chất 12 (Bóng rổ) - Cánh diều
131	Lịch sử 12 - Cánh diều
132	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 - Cánh diều
133	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 12 - Cánh diều
134	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 - Cánh diều
135	Hóa học 12 - Cánh diều
136	Chuyên đề học tập Hóa học 12 - Cánh diều
137	Vật lý 12 - Cánh diều
138	Chuyên đề học tập Vật lý 12 - Cánh diều
139	Tin học 12 (Tin học ứng dụng) - Cánh diều
140	Tin học 12 (Khoa học máy tính) cánh diều
141	CĐ học tập Tin học 12 (Khoa học máy tính) - Cánh diều
142	BT ngữ văn 12/1 cánh diều
143	BT ngữ văn 12/2 cánh diều

144	BT Toán 12/1 - Cánh điều
145	BT Toán 12/2 - Cánh điều
146	BT lịch sử 12 cánh điều
147	BT Tin học 12 - Tin học ứng dụng cánh điều
148	Toán 12/1 - Cánh điều
149	Toán 12/2 - Cánh điều
150	Tiếng Anh 12 - Global Success
151	Chuyên Đề Lịch Sử 11 - Cánh Điều
152	Chuyên Đề Toán 11 - Kết Nối
153	Toán 11/1 - Cánh điều
154	Toán 11/2 - Cánh điều
155	Chuyên Đề Học Tập Toán 11 - Cánh Điều
156	GD Kinh tế và Pháp luật 11 - Cánh điều
157	Giáo dục Kinh tế và pháp luật 10 - SGK - Kết nối
158	Toán 10/2 - Cánh điều
159	Tin học 10 - Cánh điều
160	Lịch sử 10 - Cánh điều
161	Toán 10 - SGK - Cánh điều
162	Toán 10 - SGK - Kết nối
163	Toán 12 - SGK - Kết nối
164	Chuyên đề học tập Toán 12 - SGK - Kết nối
165	HĐTN, Hướng nghiệp 12 - SGK - Kết nối
166	Vật lý 12 - SGK - Kết nối
167	Hóa học 12 - SGK - Kết nối
168	Sinh học 12 - SGK - Kết nối
169	Chuyên đề học tập Sinh học 12 - SGK - Kết nối
170	Công nghệ 12 (Điện, Điện tử) - SGK - Kết nối
171	Tin học 12 - SGK - Kết nối
172	SGV Ngữ văn 12/1 - Cánh điều

173	SGV Ngữ văn 12/2 - Cánh diều
174	SGV Toán 12 - Cánh diều
175	SGV Tin học 12 (Khoa học máy tính) - Cánh diều
176	SGV Tin học 12 (Tin học ứng dụng) - Cánh diều
177	SGV Vật lý 12 - Cánh diều
178	SGV Hóa học 12 - Cánh diều
179	SGV Lịch sử 12 - Cánh diều
180	SGV Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 - Cánh diều
181	SGV Giáo dục Quốc phòng và an ninh 12 - Cánh diều

III. Kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

1. Kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục :

Trường được công nhận trường đạt chuẩn cấp độ 2 theo QĐ số 2269/QĐ-SGDĐT ngày 18/11/2024 của Sở GDĐT Nam Định, được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, thư viện đạt chuẩn, trường Xanh –Sạch- Đẹp- An toàn (tháng 11 năm 2024).

2. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GDĐT. Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên. Cụ thể:

*Kết quả tự đánh giá:

- Mức 1: 28/28 tiêu chí đạt yêu cầu = 100%
- Mức 2: 24/28 tiêu chí đạt yêu cầu = 85,7%
- Mức 3: 10/20 tiêu chí đạt yêu cầu = 50%

*Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục:

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, về giáo dục đạo đức, có trình độ về tư vấn và tham vấn học đường cho học sinh, là mô hình cho đổi mới giáo dục hiện nay của đất nước, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại;

- Nâng cao chất lượng đội ngũ CBGV, NV cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong tình hình mới;

- Tiếp tục đổi mới quản lý trong đó coi trọng vấn đề chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, việc chấm trả bài cho học sinh, việc rèn kỹ năng sống, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nâng cao việc đào tạo bồi dưỡng tự học, tự rèn luyện của cán bộ quản lý, CBGV nhà trường; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác quản lý và giảng dạy. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục.

- Làm tốt việc quản lý hồ sơ, sổ sách của tập thể nhà trường, của các cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên coi đó là những minh chứng cụ thể chứng minh cho công tác quản lý chất lượng giáo dục nhà trường;

- Tăng cường chăm sóc và bảo vệ hệ thống cây của nhà trường để tăng độ che phủ bóng mát cho sân trường.

- Mua bổ sung thêm thiết bị dạy học, tu sửa các thiết bị hiện có để đảm bảo độ chính xác của thiết bị. Phát động phong trào làm đồ dùng dạy học trong đội ngũ GV.

- Xây dựng nhà trường có nếp sống lành mạnh, văn hoá, đẩy mạnh các cuộc vận động và phong trào thi đua “Xây dựng trường học Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn”. Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện, tu dưỡng thân thiện để mỗi học sinh đều có cơ hội rèn luyện, học tập và phát triển tài năng.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- CBQL, GV, NV nhà trường;
- Công TTĐT nhà trường;
- Lưu: VT



HIỆU TRƯỞNG

**HIỆU TRƯỞNG
Lâm Thị Hạnh**